

Thái Hòa, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26, 48; 212; 213 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 328, Điều 427 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ đ khoản 1 Điều 12; Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1975.

Trú tại: khối A phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn:

Anh Hồ Văn N, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Trần Minh P – sinh năm 1965.

Trú tại: xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984;

Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1988;

Đều trú tại: xóm T, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị S và ông Trần Minh P thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc được ký ngày 14/3/2022 giữa chị Nguyễn Thị S và ông Trần Minh P về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

2.2. Ông Trần Minh P có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị S số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) theo hợp đồng đặt cọc ngày 14/3/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí: Ông Trần Minh P thỏa thuận chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ông Trần Minh P được miễn tiền án phí số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông P còn phải chịu số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001320 ngày 13/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Thái Thị Hà

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N1- Sinh năm 1963

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Chị Quế Thị T1, sinh năm 1975

Trú tại: Xóm G, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 .Chị Quế Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm N1 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 07/9/2022 và ngày 02/12/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí: Chị Quế Thị T1 thỏa thuận chịu 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà

